

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG CHÀ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06/4/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Quàng Văn Xôm*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Nguyễn Khắc Thiện.**

2. Bà: **Vừ Thị Sùng.**

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Kim Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TL - ST ngày 16/10/2020, về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-ST ngày 18/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T T H - Sinh năm 1998.

Trú tại: Bản N H 1, xã M T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh V V T - Sinh năm 1981.

Trú tại: Bản N H 1, xã M T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Nguyên đơn Chị T T H có mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh V V T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa:

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tự khai đề ngày 08/10/2020 của nguyên đơn Chị T T H trình bày:

Chị H và anh T sau khi tìm hiểu đến ngày 23 tháng 3 năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã M T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình và anh T có hành vi bạo lực gia đình mặc dù đã được gia đình

khuyên giải nhiều lần, nhưng anh T không thay đổi, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn càng ngày càng căng thẳng hơn. Đến tháng 4 năm 2019 thì anh, chị sống ly thân cho đến nay. Chị H cho rằng tình cảm của chị đối với anh T không còn cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

**Về con chung:** Anh, chị có 02 con chung: Cháu P – Sinh ngày 17 tháng 12 năm 2014 và cháu Ph – Sinh ngày 12 tháng 02 năm 2016, chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ph cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và anh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

**Về tài sản chung, riêng:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về công nợ chung, nợ phải trả, nợ phải thu về:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 22/02/2021 của anh V V T như sau:

Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc đăng ký kết hôn tại UBND xã M T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên vào ngày 23/3/2017. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên tranh cãi nhau. Đến tháng 4 năm 2019 anh T và chị H sống ly thân cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh T, anh T cho rằng anh cũng không còn tình cảm với chị H nữa nên đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

**Về con chung:** Anh, chị có 02 con chung: Cháu P – Sinh ngày 17 tháng 12 năm 2014 và cháu Ph – Sinh ngày 17 tháng 02 năm 2016, anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Anh T là nông dân làm ruộng, nương thu nhập thấp và không ổn định nên yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh T. Mức cấp dưỡng phụ thuộc khả năng của chị H.

**Về tài sản chung, riêng:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về công nợ chung, nợ phải trả, nợ phải thu về:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại nơi cư trú của anh T, chị H ngày 28/12/2020, thể hiện: Anh T và chị H là nhân dân Bản N H 1, xã M T, **huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên**, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M T, huyện Mường Chà. Quá trình chung sống tại bản thời gian đầu thấy hòa thuận hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm cuộc sống của gia đình, thỉnh thoảng đánh chị H, đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu P và cháu Ph. Về điều **kiện nuôi con thì hai vợ chồng đều làm ruộng, nương nên thu nhập không ổn định.**

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp

luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39/BLTTDS năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị T T H. Tuyên xử cho Chị T T H được ly hôn với anh V V T.

Anh T và chị H có 02 con chung. Anh, chị đều là người nông dân làm ruộng, nương thu nhập thấp và không ổn định, nên để đảm bảo cuộc sống ăn học và phát triển bình thường của các cháu nên giao cho anh, chị mỗi người có trách nhiệm nuôi 01 cháu là phù hợp cụ thể: Giao cháu Ph cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và anh T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nơi ĐKNKTT của bị đơn (V V T) ở Bản N H 1, xã M T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, **thông** báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử. Vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của anh V V T theo quy định của pháp luật.

#### **Xét về hôn nhân:**

[2.]. Anh T và chị H sau khi tìm hiểu, chung sống và đi đến đăng ký kết hôn ngày 23/3/2017, tại UBND xã M T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Vậy, hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh, chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Đã được gia đình khuyên giải nhiều lần, **nhưng mâu thuẫn** vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến tháng 4/2019 anh, chị sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh T. Hội

đồng xét xử xét thấy cho đến nay tình cảm của chị H và anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh T, anh T cũng nhất trí nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh T. Tuyên xử chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### **Xét về con chung:**

[3.]. Xét nguyện vọng được nuôi con và điều kiện khả năng để nuôi con của chị H và anh T. Anh T, chị H đều là nông dân làm ruộng, làm nương thu nhập thấp và không ổn định, nếu giao cả cháu cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả cháu thì sẽ không đảm bảo được cuộc sống ăn học và phát triển bình thường của hai cháu, vì hai cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của bố mẹ, đồng thời chị H không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Nên để đảm bảo cho việc ăn học và phát triển bình thường của hai cháu nên chấp nhận theo nguyện vọng của chị H là phù hợp. Giao cháu Ph cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và giao cho anh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

#### **[4.]. Xét về tài sản chung và công nợ:**

Chị H và anh T đều khai và thống nhất không có tài sản chung, công nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vậy HĐXX không đề cập xem xét.

**Về án phí:** Buộc Chị T T H phải chịu án dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\*) Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39/BLTTDS năm 2015;

\*) Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

\*) Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.Về hôn nhân:** Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của Chị T T H. Chị T T H được ly hôn với anh V V T.

**2.Về con chung:** Giao cháu Ph – Sinh ngày 17 tháng 02 năm 2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P - Sinh ngày 17 tháng 12 năm 2014 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và đủ khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh T, chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung mà không ai được cản trở.

*( Vì lợi ích của con các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi các đương sự có yêu cầu).*

**3. Về tài sản chung và công nợ:** Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc Chị T T H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp tại biên lai số: AB/2010/00378 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Chị T T H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn **có mặt tại phiên tòa** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/4/2021). Bị đơn **vắng mặt tại phiên tòa** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh DB;
- Viện kiểm sát huyện Mường Chà;
- Chi cục THADS huyện Mường Chà;
- UBND xã M T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Quàng Văn Xôm**

## XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thiện

Vừ Thị Sùng

Quàng Văn Xôm

Tọa án nhân dân  
HUYỆN MUỜNG CHÀ  
tỉnh Siôn Biêng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Séc Lềp - Tự do - Hạnh phúc

Mường Chà, ngày 06 tháng 4 năm  
2021

Biên bản nghị quyết

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Vị Hết Bảng xét xử sơ thẩm gồm cả:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Xôm.

Các Hết thêm: Ông Nguyễn Khắc Thiện và bà Vừ Thị Sùng.

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hải 09 giê 30 phút ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại phòng công an, Hội đồng xét xử sơ thẩm theo phiên họp công khai với vô nhân: Tranh chấp hôn nhân gia đình và nuôi con chung khi ly hôn”, gia các công sự:

Nguyên đơn: Chị T T H - Sinh ngày 05 tháng 9 năm 1998.

Trú tại: Bản Nậm He1, xã M T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh V V T - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981.

Trú tại: Bản Nậm He1, xã M T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

\*) Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35/BLTTDS năm 2015;

\*) Căn cứ Điều 8, 9, 51, 53, 54; 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

\*) Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của Chị T T H. Chị T T H được ly hôn với anh V V T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Ph – Sinh ngày 17 tháng 02 năm 2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P - Sinh ngày 17 tháng 12 năm 2014 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh T, chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

*( Vì lợi ích của con các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi các đương sự có yêu cầu).*

**3. Về tài sản chung và công nợ:** Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc Chị T T H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp tại biên lai số: AB/2010/00378 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Chị T T H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/4/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết:  $3/3 = 100\%$

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 06 tháng 4 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**HỘI ĐỒNG**

**XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Khắc Thiện**

**Vừ Thị Sùng**

**Quảng Văn Xôm**